

Số: 317 /QĐ-MĐC.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý buộc thôi học sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành quy chế "Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành Quy chế về Tốt nghiệp và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

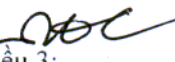
Căn cứ biên bản họp hội đồng xử lý học tập ngày 26 tháng 3 năm 2021;
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Buộc thôi học những sinh viên hệ đại học, cao đẳng và liên thông chính quy tạm dừng học quá thời gian quy định (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Sinh viên có tên trong danh sách trên phải hoàn thành thủ tục thanh toán ra trường trước ngày 30/5/2021.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, phòng Kế hoạch Tài chính, phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Ban chủ nhiệm các khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₆₎



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Bùi Xuân Nam*

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY BỊ XỬ LÝ BUỘC THÔI HỌC*(Nghỉ học bảo lưu quá hạn)**Theo quyết định số 317 ngày 29 tháng 4 năm 2021*

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
1	1211060101	Võ Quang	Minh	21/11/1993	CCCDK57
2	1211060102	Mạc Văn	Nam	30/10/1993	CCCDK57
3	1211060111	Phạm Thiện	Ngọc	05/04/1994	CCCDK57
4	0821060007	Nguyễn Văn	Diễm	24/01/1990	CCCDMT56
5	1011060177	Trần Quang	Vinh	06/10/1992	CCCDMT56
6	1111060020	Hoàng Duy	Duẩn	24/07/1993	CCCDTD56A
7	0751060205	Nguyễn Bá	Long	04/08/1989	CCCDTD56A
8	1111060109	Nguyễn Thế	Quyên	22/07/1992	CCCDTD56A
9	1111020140	Nguyễn Ngọc	Thành	10/08/1993	CCCDTD56A
10	1211060007	Nguyễn Tuấn	Anh	15/11/1994	CCCDTD57A
11	1211060021	Đặng Bảo	Châu	27/03/1993	CCCDTD57A
12	1111060019	Phạm Mạnh	Cường	09/08/1992	CCCDTD57A
13	0911060060	Trần Văn	Đảm	20/10/1987	CCCDTD57A
14	1211060029	Phạm Quốc	Doanh	19/05/1994	CCCDTD57A
15	1111060027	Đặng Văn	Dương	14/07/1993	CCCDTD57A
16	1211060049	Lê Đức	Giang	24/09/1994	CCCDTD57A
17	1211060056	Bùi Văn	Hạnh	02/01/1993	CCCDTD57A
18	1211060063	Nguyễn Quang	Hòa	24/09/1994	CCCDTD57A
19	1011060045	Cao Văn	Hoàng	03/05/1992	CCCDTD57A
20	1011060050	Nguyễn Doãn	Hội	05/06/1992	CCCDTD57A
21	1011060052	Trần Văn	Huân	31/01/1991	CCCDTD57A
22	1111060067	Nguyễn Văn	Khải	25/06/1993	CCCDTD57A
23	1211060098	Hà Huy	Mạnh	30/06/1994	CCCDTD57A
24	1011060105	Hà Minh	Phương	05/02/1992	CCCDTD57A
25	1211060120	Nguyễn Hải	Quang	29/10/1992	CCCDTD57A
26	0811060069	Nông Quang	Sự	10/02/1990	CCCDTD57A
27	1211060142	Bùi Văn	Thành	24/08/1994	CCCDTD57A
28	1011060122	Hoàng Xuân	Thành	02/05/1991	CCCDTD57A
29	1211060147	Phạm Ngọc	Thêm	08/08/1994	CCCDTD57A
30	1111060162	Nguyễn Văn	Tuấn	01/09/1993	CCCDTD57A
31	1011060172	Mạc Văn	Tuyển	20/09/1992	CCCDTD57A
32	1011060016	Phùng Quốc	Công	10/09/1991	CCCDTD57B
33	1211060043	Đỗ Khắc	Đoàn	04/06/1994	CCCDTD57B
34	1111060038	Ngô Công	Đoàn	18/10/1993	CCCDTD57B
35	1211060032	Phạm Việt	Dũng	03/08/1994	CCCDTD57B
36	1211050037	Trịnh Quang	Giới	26/11/1993	CCCDTD57B
37	1211060050	Nguyễn Văn	Hà	05/07/1994	CCCDTD57B
38	1211050042	Đặng Thế	Hiển	21/12/1994	CCCDTD57B
39	1011060040	Trương Quang	Hiếu	21/09/1991	CCCDTD57B
40	1111060066	Nguyễn Đình	Khải	20/02/1993	CCCDTD57B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
41	1211060083	Phạm Đình	Khải	14/06/1994	CCCDTD57B
42	1111060069	Dương Văn	Khoa	19/05/1993	CCCDTD57B
43	1111060083	Nguyễn Văn	Mạnh	28/01/1993	CCCDTD57B
44	1111060119	Hoàng Đức	Tài	08/12/1992	CCCDTD57B
45	1111060124	Phạm Ngọc	Thành	02/09/1993	CCCDTD57B
46	1211060144	Phạm Xuân	Thành	23/05/1994	CCCDTD57B
47	1211060153	Vũ Văn	Thường	20/12/1994	CCCDTD57B
48	1011060145	Trương Xuân	Tiến	11/12/1992	CCCDTD57B
49	1211060160	Nguyễn Huy	Toàn	05/03/1994	CCCDTD57B
50	1211060171	Thân Ngọc	Trưởng	30/01/1994	CCCDTD57B
51	1111060157	Trần Xuân	Trưởng	13/02/1993	CCCDTD57B
52	1111060161	Lê Anh	Tuấn	22/01/1993	CCCDTD57B
53	1211060191	Nguyễn Hữu	Vân	10/10/1993	CCCDTD57B
54	1211050161	Nguyễn Thế	Hưng	11/09/1994	CCCTCT57A
55	1211050109	Phạm Quang	Tấn	27/05/1994	CCCTCT57A
56	1211050117	Phạm Xuân	Thiện	18/02/1994	CCCTCT57A
57	1211050128	Nguyễn Văn	Toàn	29/04/1994	CCCTCT57A
58	1121050135	Trịnh Ngọc	Vinh	17/10/1993	CCCTCT57A
59	1211050040	Trần Văn	Hạnh	02/11/1994	CCCTCT57B
60	1211050056	Phạm Văn	Hùng	07/05/1993	CCCTCT57B
61	1211050111	Lê Văn	Thanh	06/09/1993	CCCTCT57B
62	1311050060	Nguyễn Thanh	Trang	12/11/1995	CCCTCT58
63	0911020033	Đỗ Văn	Tốt	23/12/1991	CCDCDC56A
64	1111020174	Phạm Tuấn	Vũ	05/05/1993	CCDCDC56A
65	0921020188	Nguyễn Hữu	Chỉnh	27/02/1991	CCDCDC56B
66	1011020021	Nguyễn Ngọc	Cường	17/07/1992	CCDCDC56B
67	1011020137	Nguyễn Văn	Toán	20/01/1992	CCDCDC56B
68	0921020145	Nguyễn Văn	Tuấn	02/03/1991	CCDCDC56B
69	1211020028	Nguyễn Mạnh	Cường	31/05/1994	CCDCDC57A
70	1111020024	Nguyễn Ngọc	Cường	08/07/1993	CCDCDC57A
71	0911020044	Nguyễn Văn	Cường	07/12/1991	CCDCDC57A
72	1211020048	Đỗ Thành	Đạt	01/08/1993	CCDCDC57A
73	1011020031	Trịnh Ngọc	Dương	16/04/1992	CCDCDC57A
74	1011020044	Nguyễn Trường	Giang	04/08/1992	CCDCDC57A
75	1011020067	Vũ Khắc	Huỳnh	20/09/1991	CCDCDC57A
76	1211020107	Lê Bá	Long	06/09/1994	CCDCDC57A
77	1011020083	Trần Ích	Long	19/12/1992	CCDCDC57A
78	1111020103	Nguyễn Văn	Minh	12/09/1992	CCDCDC57A
79	1211020126	Nguyễn Văn	Nam	01/01/1993	CCDCDC57A
80	0911020024	Phạm Xuân	Phong	26/10/1991	CCDCDC57A
81	1211020158	Lã Đức	Sông	20/05/1994	CCDCDC57A
82	1011020116	Vũ Tiến	Thành	04/01/1992	CCDCDC57A
83	1211020191	Trần Thị	Thu	22/10/1994	CCDCDC57A
84	1011020134	Lâm Ngọc	Tiến	26/03/1991	CCDCDC57A

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
85	1211020223	Nguyễn Văn	Tuấn	27/07/1994	CCDCDC57A
86	1011020158	Nguyễn Sơn	Tùng	14/08/1992	CCDCDC57A
87	1011020165	Đặng Văn	Việt	11/06/1992	CCDCDC57A
88	1211020234	Phan Quốc	Việt	26/01/1994	CCDCDC57A
89	1011020019	Nguyễn Văn	Công	25/06/1991	CCDCDC57B
90	1011020081	Trịnh Văn	Linh	24/11/1992	CCDCDC57B
91	1211020110	Trần Hoàng	Long	09/08/1994	CCDCDC57B
92	1211020117	Nguyễn Văn	Lưu	06/12/1994	CCDCDC57B
93	1011020105	Nguyễn Sỹ	Quang	13/04/1992	CCDCDC57B
94	1111020133	Đinh Xuân	Sơn	16/10/1993	CCDCDC57B
95	1111020139	Đỗ Văn	Thái	10/02/1991	CCDCDC57B
96	1121020202	Trần Đăng	Trọng	17/02/1987	CCDCDC57B
97	1111020172	Nguyễn Hữu	Việt	05/05/1993	CCDCDC57B
98	1211020016	Phạm Minh	Châu	06/10/1993	CCDCDC57C
99	1211020021	Trần Văn	Chung	14/10/1993	CCDCDC57C
100	1211020050	Hà Thanh	Diệp	08/10/1994	CCDCDC57C
101	1111020073	Nguyễn Thế	Hưng	01/10/1993	CCDCDC57C
102	1211020089	Đoàn Văn	Huỳnh	26/05/1994	CCDCDC57C
103	1211020125	Nguyễn Văn	Nam	23/05/1994	CCDCDC57C
104	1211020149	Nguyễn Mạnh	Quân	13/06/1994	CCDCDC57C
105	1211020159	Đinh Hồng	Sơn	01/01/1994	CCDCDC57C
106	1111020142	Hoàng Nguyễn	Thắng	27/09/1993	CCDCDC57C
107	1211020177	Đặng Đình	Thao	09/09/1993	CCDCDC57C
108	1211020210	Phạm Đức	Trí	19/03/1993	CCDCDC57C
109	1211020216	Nguyễn Xuân	Trường	02/02/1994	CCDCDC57C
110	1311030165	Trần Hoàng	Phúc	16/10/1995	CCDCDC58
111	1021050014	Phạm Ngọc	Cường	05/12/1992	CCKTKT56A
112	1114010016	Nguyễn Thị Thanh	Hải	15/05/1993	CCKTKT56A
113	1114010069	Nguyễn Thủy	Ngân	17/11/1993	CCKTKT56A
114	0914010079	Nguyễn Hoàng	Anh	30/05/1991	CCKTKT56B
115	1111020146	Phạm Đức	Thuận	05/04/1993	CCKTKT56B
116	0914010142	Vũ Thị	Thủy	06/09/1990	CCKTKT56B
117	1211020026	Lê Tuấn	Cường	08/12/1994	CCKTKT57A
118	1111020040	Trần Văn	Đoàn	05/11/1993	CCKTKT57A
119	1214010033	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/01/1994	CCKTKT57A
120	1014010037	Lương Minh	Hiếu	02/03/1991	CCKTKT57A
121	1214010053	Phạm Thị	Hoa	07/08/1994	CCKTKT57A
122	1214010081	Nguyễn Thị	Lệ	12/04/1993	CCKTKT57A
123	1111020090	Hà Thị Thùy	Linh	12/04/1993	CCKTKT57A
124	1114010053	Đinh Thị	Ly	21/03/1992	CCKTKT57A
125	1124010445	Vũ Hoàng	Nam	19/04/1988	CCKTKT57A
126	1214010106	Hoàng Thị Bích	Ngọc	06/11/1994	CCKTKT57A
127	1214010111	Bùi Thị	Nhân	24/12/1994	CCKTKT57A
128	1214010112	Đỗ Thị	Nhung	02/10/1994	CCKTKT57A

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
129	1114010086	Lê Hoàng	Quân	29/01/1992	CCKTKT57A
130	1214010128	Đậu Thị	Quỳnh	03/01/1994	CCKTKT57A
131	1214010136	Hoàng Thị	Tâm	03/11/1994	CCKTKT57A
132	1214010154	Phạm Minh	Thúy	27/08/1994	CCKTKT57A
133	1114010010	Phạm Quý	Đạt	25/12/1993	CCKTKT57B
134	1111070023	Hồ Xuân	Dũng	08/10/1993	CCKTKT57B
135	1214010056	Trần Khánh	Hòa	08/03/1994	CCKTKT57B
136	1014010048	Trần Quốc	Huy	25/10/1992	CCKTKT57B
137	1214010080	Nguyễn Thị	Lệ	30/03/1994	CCKTKT57B
138	1111070060	Bạch Thị Diệu	Linh	18/12/1993	CCKTKT57B
139	1214010087	Nguyễn Diệu	Linh	10/09/1994	CCKTKT57B
140	1114010048	Trần Mạnh	Linh	09/11/1993	CCKTKT57B
141	1214010139	Lê Thị Hiền	Thảo	10/12/1994	CCKTKT57B
142	1211050165	Phạm Phương	Thảo	22/06/1994	CCKTKT57B
143	1014010099	Trần Đức	Thiện	11/05/1992	CCKTKT57B
144	1214010201	Vũ Thị	Thùy	25/01/1994	CCKTKT57B
145	1011060150	Lê Thị Thùy	Trang	25/03/1992	CCKTKT57B
146	1314010098	Đào Thị Mỹ	Trâm	02/02/1995	CCKTKT58
147	1414010013	Nguyễn Châu	Giang	22/12/1996	CCKTKT59
148	1021040074	Đỗ Duy	Đăng	23/03/1991	CCMOKT57A
149	1111040027	Nguyễn Lê	Duy	01/05/1993	CCMOKT57A
150	1111040058	Nguyễn Văn	Huân	28/11/1991	CCMOKT57A
151	1111040068	Vũ Kiều	Hưng	05/10/1992	CCMOKT57A
152	1011040077	Vũ Trường	Khánh	29/05/1990	CCMOKT57A
153	1021040143	Phạm Hữu	Kiểm	05/10/1986	CCMOKT57A
154	1021040154	Nguyễn Văn	Lâm	04/03/1992	CCMOKT57A
155	1111040096	Nguyễn Cao	Nguyên	29/10/1993	CCMOKT57A
156	1121040281	Nguyễn Thành	Trung	02/05/1992	CCMOKT57A
157	1021040326	Phạm Bảo	Trung	09/12/1992	CCMOKT57A
158	1011040158	Lê Văn	Tú	28/09/1992	CCMOKT57A
159	0911040134	Lương Thanh	Tuyền	25/06/1991	CCMOKT57A
160	1121040314	Đinh Hoàng	Việt	20/08/1993	CCMOKT57A
161	1211040011	Trịnh Thế	Anh	19/09/1994	CCMOKT57B
162	1111040007	Đặng Văn	Chanh	09/06/1993	CCMOKT57B
163	1211040030	Hoàng Đức	Cương	15/10/1994	CCMOKT57B
164	1211040036	Nguyễn Hùng	Cường	01/11/1994	CCMOKT57B
165	1111040033	Nguyễn Xuân	Đạt	31/12/1993	CCMOKT57B
166	1111040036	Phạm Văn	Định	23/05/1993	CCMOKT57B
167	1111040041	Khúc Văn	Đức	12/12/1992	CCMOKT57B
168	1211040077	Lê Văn	Hiệp	20/02/1994	CCMOKT57B
169	1211040089	Đinh Văn	Hùng	27/07/1994	CCMOKT57B
170	1211040091	Nguyễn Trọng	Hùng	15/11/1994	CCMOKT57B
171	1111040069	Vũ Trọng	Hữu	18/07/1993	CCMOKT57B
172	1011040068	Lưu Công	Huy	16/12/1991	CCMOKT57B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
173	1111040077	Vũ Công	Kỳ	08/10/1993	CCMOKT57B
174	1211040124	Vũ Hoàng	Long	10/12/1994	CCMOKT57B
175	1211040171	Nguyễn Quang	Thao	23/01/1994	CCMOKT57B
176	1211040232	Nguyễn Hồng	Vương	16/04/1992	CCMOKT57B
177	1111040159	Trần Văn	Yên	07/05/1993	CCMOKT57B
178	1211040021	Vũ Thị Huyền	Chang	14/05/1994	CCMOKT57C
179	1211040049	Ngô Văn	Đại	10/06/1994	CCMOKT57C
180	1211040073	Vũ Văn	Hải	14/06/1994	CCMOKT57C
181	1211040074	Lê Thị	Hằng	27/03/1994	CCMOKT57C
182	1211040162	Nguyễn Anh	Son	29/03/1994	CCMOKT57C
183	1211040165	Lê Văn	Tâm	02/10/1994	CCMOKT57C
184	1211040032	Nguyễn Chí	Cương	03/05/1993	CCMOKT58
185	1411040003	Nguyễn Việt	Anh	15/09/1996	CCMOMO59
186	1411040008	Trần Vũ	Cương	05/08/1996	CCMOMO59
187	1211030015	Đào Văn	Chấn	05/08/1994	CCTDDC57
188	1211030043	Hồ Hữu	Hải	06/08/1994	CCTDDC57
189	1211030100	Nguyễn Thế	Lực	24/08/1992	CCTDDC57
190	1211030124	Vũ Hải	Phong	13/05/1994	CCTDDC57
191	1211030126	Trịnh Thị Thu	Phương	11/08/1994	CCTDDC57
192	1011030146	Trương Anh	Vũ	23/11/1992	CCTDTD55A
193	1021030142	Phạm Hoàng	Quy	22/09/1991	CCTDTD56A
194	1011030101	Mai Xuân	Thao	16/08/1990	CCTDTD56A
195	1011030085	Đỗ Hoàng	Phương	22/06/1992	CCTDTD56B
196	1121030003	Đào Minh	Anh	14/06/1993	CCTDTD57A
197	1111030005	Nguyễn Ngọc	Bách	21/09/1993	CCTDTD57A
198	1211030029	Phạm Văn	Đại	19/11/1994	CCTDTD57A
199	1211030032	Nguyễn Văn	Điền	24/10/1994	CCTDTD57A
200	1011030028	Trịnh Duy	Đông	15/10/1991	CCTDTD57A
201	1111030019	Nguyễn Minh	Dũng	21/01/1993	CCTDTD57A
202	1111030055	Nguyễn Đăng	Khánh	28/08/1993	CCTDTD57A
203	1011030067	Vũ Đức	Lương	30/09/1992	CCTDTD57A
204	1211030110	Đặng Thị Bích	Ngọc	26/05/1994	CCTDTD57A
205	0921040093	Trần Văn	Phương	28/11/1991	CCTDTD57A
206	1011030088	Nguyễn Hồng	Quân	15/08/1990	CCTDTD57A
207	1111030103	Nguyễn Ngọc	Thắng	26/07/1993	CCTDTD57A
208	1211050119	Vũ Tiến	Thịnh	23/08/1994	CCTDTD57A
209	1111030114	Nguyễn Thành	Trung	06/10/1993	CCTDTD57A
210	0921030334	Vũ Quốc	Tuân	13/09/1990	CCTDTD57A
211	1211050154	Nguyễn Thị Phi	Yến	19/05/1994	CCTDTD57A
212	1011020022	Nguyễn Trung	Cường	24/06/1992	CCTDTD57B
213	1011020040	Trịnh Tứ	Đông	06/04/1990	CCTDTD57B
214	1111030021	Phạm Văn	Duy	13/09/1993	CCTDTD57B
215	1111030039	Đặng Thế	Hân	05/04/1993	CCTDTD57B
216	1211050073	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/01/1994	CCTDTD57B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
217	1011030078	Phan Văn	Nhâm	10/01/1992	CCTDTD57B
218	1211070012	Lương Công Cao	Cường	07/06/1994	CCXD XD57A
219	1011040029	Nguyễn Văn	Diệp	15/07/1992	CCXD XD57A
220	1111070029	Trần Trung	Đức	27/01/1993	CCXD XD57A
221	1011040040	Nguyễn Mạnh	Hà	19/05/1992	CCXD XD57A
222	1111070031	Hoàng Tuấn	Hậu	25/01/1993	CCXD XD57A
223	1211070038	Bùi Mạnh	Hiền	17/10/1990	CCXD XD57A
224	1011040050	Trần Đức	Hiếu	12/11/1992	CCXD XD57A
225	1011040058	Nguyễn Đức	Hoàng	20/02/1992	CCXD XD57A
226	1011040064	Lương Việt	Hùng	01/06/1991	CCXD XD57A
227	1111070048	Lê Ngọc	Huy	23/05/1993	CCXD XD57A
228	1011040080	Nguyễn Trung	Kiên	23/07/1992	CCXD XD57A
229	0911040104	Đậu Hoàng	Long	14/12/1991	CCXD XD57A
230	1011040113	Nguyễn Văn	Quang	02/02/1992	CCXD XD57A
231	1211070094	Nguyễn Khắc	Thành	05/12/1993	CCXD XD57A
232	1211070118	Trần Xuân	Trọng	02/01/1992	CCXD XD57A
233	1111070126	Nguyễn Đình	Tuấn	09/06/1992	CCXD XD57A
234	1011040166	Bùi Ngọc	Tùng	14/11/1991	CCXD XD57A
235	1211070144	Nguyễn Đức	Vương	08/10/1994	CCXD XD57A
236	1211070036	Lê Hồng	Hạnh	17/04/1994	CCXD XD57B
237	1211070046	Nghiêm Huy	Hoàng	27/01/1993	CCXD XD57B
238	1211070057	Quách Huy	Kiên	11/04/1993	CCXD XD57B
239	1211070084	Trương Đắc	Quản	06/06/1993	CCXD XD57B
240	1211070093	Trần Văn	Tấn	13/11/1994	CCXD XD57B
241	1011040135	Phạm Cao	Thế	11/11/1992	CCXD XD57B
242	1011040138	Đỗ Văn	Thiện	13/05/1992	CCXD XD57B
243	1211070124	Phạm Bá	Tuấn	08/02/1994	CCXD XD57B
244	1011040167	Lê Văn	Tùng	25/10/1992	CCXD XD57B
245	0911040140	Nguyễn Xuân	Võ	29/09/1991	CCXD XD57B
246	1621060597	Hoàng Đức	Hào	09/04/1998	DCCDCD61A
247	1621061000	Nguyễn Hữu	Phú	08/05/1998	DCCDCD61G
248	1021040023	Tạ Thúc	Bình	05/09/1992	DCCDDK55
249	1821060009	Tạ Thái	Dương	03/02/2000	DCCDKTD63A
250	1321060419	Ngô Gia Bảo	Chánh	21/04/1994	DCCDTD58B
251	1121050315	Nguyễn Thị	Thương	19/07/1993	DCCTDC56
252	0921050213	Nguyễn Thị	Ly	18/12/1990	DCCTKT54
253	1021050004	Đinh Thị	ánh	18/02/1992	DCCTTD55
254	1121020249	Lê Văn	Cường	03/05/1992	DCDCCT56A
255	1121020325	Trần Thị Bích	Ngọc	26/08/1993	DCDCCT56A
256	1121020048	Hồ Xuân	Đông	13/11/1993	DCDCCT56B
257	1121020152	Nguyễn Thế	Quang	26/05/1993	DCDCCT56B
258	0921020262	Mã Văn	Lương	30/11/1991	DCDCDC_54A
259	0921020143	Nguyễn Anh	Tuấn	04/07/1991	DCDCDC_54A
260	1021020104	Nguyễn Minh	Hiếu	06/10/1992	DCDCDC_55B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
261	1121020154	Hồ Công	Quân	12/01/1993	DCDCDC56A
262	1021020190	Bùi Thị	Nhi	27/12/1992	DCDCDS55
263	1121020267	Hà Văn	Đồng	11/09/1993	DCDCTV56A
264	1121020033	Nguyễn Thị	Duyên	23/01/1993	DCDCTV56B
265	0921010198	Nguyễn Văn	Lam	07/04/1991	DCDKDC54
266	1121010145	Hồ Sỹ	Hoàng	13/06/1993	DCDKDK56A
267	1121010390	Lưu Đình	Tùng	07/05/1993	DCDKDK56A
268	1121010230	Đỗ Minh	Mười	28/08/1993	DCDKDV56
269	0821010268	Bùi Thị Thùy	Linh	20/07/1990	DCDKK53HN
270	0751010168	Doãn Thành	Đạt	19/05/1989	DCDKKK52
271	0821010427	Phan Xuân	Quyết	06/05/1989	DCDKKK54
272	1021010004	Phạm Đình	An	10/01/1992	DCDKKK55
273	1021010030	Bùi Doãn	Cánh	10/03/1992	DCDKKK55
274	1021010114	Nguyễn Phú	Hà	30/03/1992	DCDKKK55
275	1021010143	Phạm Văn	Hoàng	02/06/1992	DCDKKK55
276	1021010415	Hoàng Văn	Vũ	29/04/1992	DCDKKK55
277	1121010170	Nguyễn Đình	Huỳnh	18/07/1993	DCDKKK56A
278	1021010280	Hoàng Đình	Quốc	14/07/1992	DCDKKT55
279	1121010302	Đình Văn	Thành	15/08/1993	DCDKKT56
280	1021010056	Trịnh Thủy	Cương	14/07/1992	DCDKLD55B
281	1021010328	Nguyễn Văn	Thắng	15/10/1992	DCDKLD55B
282	1121010355	Đoàn Văn	Toàn	20/08/1993	DCDKLD56B
283	1221010168	Vũ Đức	Hưng	18/11/1994	DCDKTB57
284	1221010278	Đỗ Đình	Quân	15/05/1994	DCDKTB57
285	1221011050	Trần Thị	Minh	26/08/1994	DCDKTB57VT
286	1521090013	Trịnh Việt	Long	01/0/193/	DCDKTB60
287	1824011043	Tạ Đức	Long	26/07/2000	DCKTKD_63B
288	1224010040	Nguyễn Văn	Dũng	25/09/1994	DCKTKD57A
289	1221030319	Trần Thị	Hoa	20/08/1994	DCKTKD57B
290	1224010139	Nguyễn Thị	Hường	17/05/1993	DCKTKD57B
291	1224010227	Nguyễn Huy	Quang	11/12/1994	DCKTKD57B
292	1024010219	Nguyễn Thị	Mùi	10/02/1991	DCKTKT_55A
293	1124010108	Nguyễn Thị	Hồng	08/02/1993	DCKTKT_56B
294	1224010463	Hoàng Thị	Thúy	27/05/1993	DCKTKT_57B
295	1224010374	Lê Ngọc	Hân	27/08/1994	DCKTKT_57C
296	0824010311	Vũ Thị Hồng	Mây	28/07/1990	DCKTKT53A
297	1124010021	Nguyễn Việt	Bắc	23/09/1993	DCKTKT56A
298	0754010275	Đặng Văn	Long	09/06/1989	DCKTMO52B
299	1421080018	Lê Tuấn	Duy	09/08/1996	DCMTDS59B
300	1021030408	Nguyễn Thị	Thu	14/03/1993	DCTDDC55
301	1121030403	Nguyễn Xuân	Thịnh	22/06/1993	DCTDDC56
302	0921030056	Vũ Ngọc	Khánh	15/07/1991	DCTDTD_54C
303	1021030427	Đào Thị Bích	Hồng	22/01/1992	DCTDTD_55B
304	1121030389	Nguyễn Phương	Thanh	07/03/1993	DCTDTD56B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã lớp
305	1121030439	Nguyễn Lâm	Tùng	12/06/1993	DCTDTD56B
306	1121030253	Nguyễn Bùi	Duy	02/01/1993	DCTDTM56
307	1121030277	Lưu Công	Hân	28/04/1993	DCTDTM56
308	1121030162	Phạm Văn	Thành	06/12/1993	DCTDTM56
309	1121011015	Nguyễn Văn	Đăng	25/03/1993	K56(VT)
310	1331060302	Nguyễn Văn	Hòa	04/04/1992	LCCDCD58
311	1231020044	Vũ Quang	Toàn	04/11/1989	LCDCDC5
312	1334010336	Nguyễn Thị	Phượng	08/04/1990	LCKTKT58
313	1331040307	Lê Bá	Hoài	18/01/1989	LCMOKT58
314	1431040037	Nguyễn Văn	Thích	03/09/1993	LCMOMO59
315	1131030018	Ngô Quang	Chiến	15/08/1984	LCTDTD4B
316	1331030322	Nguyễn Thanh	Tùng	23/10/1990	LCTDTD58
317	1331030325	Huỳnh Tấn	Vũ	27/06/1990	LCTDTD58
318	1531030036	Nguyễn Hồng	Ngọc	09//0/199/	LCTDTD60